

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 25-10 -2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Võ Thị Thu Nga

Ông Phạm Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng TMCP S)

Địa chỉ: 266-268 Đường N Phường T Quận B Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Huỳnh Đông P, chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh L (theo văn bản ủy quyền số 104/2018/GUQ-CNLA ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh L).

- ***Bị đơn*** : Ông Trần.T A

Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1992

Địa chỉ : 46/5/3 Đường T phường M thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày: Ngày 20 tháng 11 năm 2014, ông Trần.T A và Ngân hàng TMCP S đã xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng Thương mại Cổ phần S). Căn cứ vào mức thu nhập của ông A, Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho ông A với mục đích tiêu dùng, hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Phương thức thanh toán là chủ thẻ tín dụng chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi chủ thẻ (sao kê). Chủ thẻ có thể lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, thanh toán số tiền tối thiểu hoặc thanh toán một khoản tiền giữa số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần.T A đã thực hiện các giao dịch, với tổng số tiền là 17.185.300 đồng và đã thanh toán 9.260.000 đồng. Sau đó, đến hạn, ông Tuấn Anh không thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận. Sau nhiều lần nhắc nhở và gia hạn thời hạn trả nợ nhưng ông Trần.T A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần.T A phải trả cho Ngân hàng TMCP S, tiền nợ gốc là 14.917.187 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 06 tháng 6 năm 2016 theo lãi suất đã thỏa thuận giữa các bên.

Bị đơn Trần.T A đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng TMCP S) và ông Trần.T A đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo hình thức phát hành thẻ tín dụng, với mục đích tiêu dùng, hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Phương thức thanh toán là ông A chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc trước ngày đến hạn theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng TMCP S gửi cho ông A căn cứ vào giao dịch phát sinh trong kỳ. Ông A có thể chủ động lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, hay số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền giữa số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần.T A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.185.300 đồng và đã thanh toán 9.260.000 đồng. Từ ngày 05 tháng 5 năm 2016 đến nay, ông Trần.T A đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP S, dù Ngân hàng TMCP S đã nhắc nhở nhiều lần. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu ông Trần.T A thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo văn bản xác minh ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Công an Phường 1 thành phố T tỉnh L, ông Trần.T A sinh ngày 19 tháng 5 năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 46/5/3 Đường T phường M thành phố T tỉnh L. Hiện tại, đã bán nhà, không còn cư trú tại địa phương. Ngân hàng TMCP S đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Trần.T A không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20 tháng 11 năm 2014”, “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S” và các bản “Tóm tắt sao kê”, có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có lãi, có kỳ hạn, trả nợ theo phương thức: Chủ thẻ có thể lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn hay số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền giữa số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng TMCP S gửi cho chủ thẻ khi có phát sinh giao dịch.

[4] Giao dịch dân sự được xác lập năm 2014 nên áp dụng các quy định của chế định hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[5] Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành niêm yết “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S” và bản “Tóm tắt sao kê ngày 02 tháng 8 năm 2018” theo quy định, ông Trần.T A không có ý kiến gì nên văn bản đó chính là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, theo “Tóm tắt sao kê ngày 25 tháng 10 năm 2019” do Ngân hàng TMCP S lập, xác định ông Trần.T A còn nợ Ngân hàng TMCP S tiền nợ gốc, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do vậy, có đủ cơ sở để buộc ông Trần.T A phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP S theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự (năm 2005). Cụ thể tổng số tiền là 36.266.857 đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc : 14.917.187 đồng.
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền : 21.349.670 đồng.

[6] Về án phí: Ông Trần.T A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể : $5\% \times 36.266.857\text{đ} = 1.813.343\text{ đồng}$.

[7] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP S chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.325.000 đồng (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự (năm 2005), Khoản 2 Điều 3 và Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần.T A trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 36.266.857 (ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi bảy) đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc : 14.917.187 đồng.
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền : 21.349.670 đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Về án phí: ông Trần.T A phải chịu án phí sơ thẩm là 1.813.343 đồng; Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 697.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002607 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP S chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.325.000 đồng (đã nộp đủ). Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn Trần.T A vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Nga Phạm Văn Hải

Phạm Thị Thanh Thảo